

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN

Số: 2422/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Dĩ An, ngày 16 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Cải tạo, nâng cấp mặt đường và hệ thống chiếu sáng
đường tổ 5 khu phố Hiệp Thắng
Địa điểm: Phường Bình Thắng, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi bổ sung một số điều; Luật số 03/2016/QH14; Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 15 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình chỉnh trang đô thị do Ủy ban nhân dân phường Bình Thắng làm Chủ đầu tư (02 công trình);

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 172/KT.HT&ĐT-HTKT ngày 09/6/2025 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thành phố Dĩ An;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân phường Bình Thắng tại Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 29/5/2025 về việc thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo mặt đường và hệ thống chiếu sáng đường tổ 5 khu phố Hiệp Thắng.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo mặt đường và hệ thống chiếu sáng đường tổ 5 khu phố Hiệp Thắng với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, cải tạo mặt đường và hệ thống chiếu sáng đường tổ 5 khu phố Hiệp Thắng.

2. Địa điểm xây dựng: Phường Bình Thắng, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân phường Bình Thắng.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Công ty TNHH Cơ giới Xây dựng Thương mại Dịch vụ Thiên Phúc.

Tổ chức tư vấn thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng: Công ty TNHH Xây dựng Ngọc Bảo Tín.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình; thời gian sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại: Công trình giao thông.

- Nhóm dự án: nhóm C.

- Cấp dự án: Cấp IV.

- Thời gian sử dụng: 10 năm.

7. Mục tiêu dự án:

Hoàn chỉnh dần cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật giao thông đô thị, phục vụ người dân, doanh nghiệp, góp phần thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, môi trường và diện mạo đô thị sạch - đẹp, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân trong các tuyến đường. Tạo điều kiện thuận lợi, cần thiết cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân, đồng thời sẽ cải thiện tốt hơn tình trạng lưu thông, giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước, chỉnh trang đô thị, an toàn cho đời sống của người dân.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô công trình:

* Tuyến số 1:

- Tổng chiều dài tuyến: 223,47m.

- Mặt đường rộng 7m, bó nền 0,2m phía bên phải; vị trí tường rào của nghĩa trang vượt nổi mặt đường sát tường (không làm bó nền).

- Mặt đường bê tông nhựa, độ dốc ngang 1 mái.

- Xây dựng mới mương hở ngang đường kích thước B x H = 0,5m x 0,5m, phía trên đặt đan lưới thép để thu nước mặt đường đoạn đầu tuyến và xây mới

mương hộp B x H = 0,7m x 0,7m dẫn nước từ mương hở ngang đường về hệ thống cống thoát nước hiện hữu của Đại lộ Đông Tây.

- Đầu tư hệ thống chiếu sáng bằng trụ sắt tráng kẽm, nguồn điện lấy từ hệ thống chiếu sáng của Đại lộ Đông Tây.

- Bố trí vạch sơn, biển báo theo QCVN 41-2024/BGTVT.

* Tuyến số 2:

- Tổng chiều dài tuyến: 70,52m.

- Đầu tư hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời đảm bảo chiếu sáng toàn tuyến.

* Tuyến số 3:

- Tổng chiều dài tuyến: 228,92m.

- Cải tạo nút giao với Trục chính Đông Tây: Xây mới mặt đường bê tông nhựa và bó nền 0,2m; cải tạo nút giao với đường Đại Lộ Đông Tây; bố trí vạch sơn và biển báo theo QCVN 41-2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ để đảm bảo an toàn giao thông.

- Đầu tư hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời đảm bảo chiếu sáng toàn tuyến.

* Tuyến số 4:

- Tổng chiều dài tuyến: 204,69m.

- Nâng cấp và tái lập mặt đường bê tông nhựa rộng 4m, dốc 1 mái, bó nền 0,2m x 2 bên, lề bằng bê tông xi măng.

- Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương bê tông cốt thép kích thước BxH = 0,7m x 0,7m kết hợp hố thu nước có bố trí đan lưới thép để thu nước mặt, hướng thoát nước từ đầu tuyến về cuối tuyến, hạ nguồn thoát nước về hố ga chờ xây mới tại vị trí ngã ba gần cuối tuyến.

- Đầu tư hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời đảm bảo chiếu sáng toàn tuyến.

- Bố trí vạch sơn và biển báo theo QCVN 41-2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ để đảm bảo an toàn giao thông.

8.2. Các giải pháp kỹ thuật:

a) Bình đồ tuyến:

- Bình đồ tuyến được thiết kế bám theo hiện trạng nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng đến dân sinh và để giữ lại nhiều nhất có thể các công trình kỹ thuật.

- Tim tuyến thiết kế bám theo các tiêu chuẩn kỹ thuật của bình diện tuyến nhằm nâng cao điều kiện khai thác của đường.

b) Trắc dọc thiết kế:

Cao độ đường đò được thiết kế đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Vuốt nối êm thuận với các đường giao, hẻm giao.

- Phối hợp hài hoà giữa bình đồ và mặt cắt dọc, đảm bảo các tiêu chuẩn hình học của tuyến đường.

- Đảm bảo nền mặt đường ổn định không bị ảnh hưởng bởi chế độ thủy nhiệt, hài hòa với các đường ngang trong khu vực và địa hình tự nhiên.

- Phù hợp kết cấu áo đường, phù hợp cao độ nhà dân.

- Đảm bảo được khả năng thoát nước của tuyến tránh hiện tượng bị đọng nước trên tuyến.

c) Mặt cắt ngang:

* Tuyến số 1:

- Chiều rộng mặt đường: 7,0m.

- Chiều rộng bó nền: $0,2m \times 1 \text{ bên} = 0,2m$.

- Vị trí tường rào của nghĩa trang vượt nổi mặt đường sát tường, không làm bó nền.

- Độ dốc ngang mặt đường: 2% (1 mái dốc từ bên trái qua bên phải).

- Đầu tư hệ thống chiếu sáng sử dụng nguồn điện lấy từ hệ thống chiếu sáng của Đại lộ Đông Tây.

* Tuyến số 2: Đầu tư hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời.

* Tuyến số 3: Cải tạo nút giao với Trục chính Đông Tây:

- Cải tạo nút giao từ Km0+189,16m với bề rộng mặt đường 4m, tới vị trí tiếp giáp Trục chính Đông Tây rộng mặt đường được mở rộng.

- Bó nền $0,2m \times 2 \text{ bên}$.

- Cải tạo đảo giao thông bằng bê tông xi măng.

- Đầu tư hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời.

* Tuyến số 4:

- Chiều rộng mặt đường: 4,0m.

- Chiều rộng bó nền: $0,2 \text{ m} \times 2 = 0,4m$.

- Tổng chiều rộng nền đường: 4,4m.

- Độ dốc ngang mặt đường 1 mái: 2% (1 mái dốc từ bên trái qua bên phải).

- Đầu tư hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời.

d) Kết cấu áo đường:

* Tuyến số 1:

- Kết cấu áo đường bê tông nhựa làm mới từ trên xuống như sau:

+ Trãi cán bê tông nhựa chặt (C12,5) dày 5cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E_{yc} \geq 165\text{MPa}$.

+ Tưới lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h, lượng nhũ tương $0,5\text{kg}/\text{m}^2$.

+ Trãi cán bê tông nhựa chặt (C19) dày 6cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E_{yc} \geq 154\text{MPa}$.

+ Tưới lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h, lượng nhũ tương $1,0\text{kg/m}^2$.

+ Trãi cán cấp phối đá dăm loại I (cấp phối đá dăm - 25) dày 15cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E_{yc} \geq 136\text{MPa}$.

+ Trãi cán cấp phối đá dăm loại I (cấp phối đá dăm - 37,5) dày 25cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E_{yc} \geq 99\text{MPa}$.

+ Bù vênh cấp phối đá dăm loại I hoặc đào nền đến cao độ đáy kết cấu, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E_{yc} \geq 40\text{MPa}$.

- Kết cấu bó nền dùng trên tuyến:

+ Bó nền rộng 0,2m.

+ Bó nền được đổ tại chỗ bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 trên lớp bê tông đá 1x2 M150 lót móng dày 6cm đổ tại chỗ.

* Tuyến số 3:

- Kết cấu áo đường bê tông nhựa làm mới từ trên xuống như sau:

+ Trãi cán bê tông nhựa chặt (C12,5) dày 6cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E_{yc} \geq 135\text{MPa}$.

+ Tưới lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h, lượng nhũ tương $1,0\text{kg/m}^2$.

+ Trãi cán cấp phối đá dăm loại I (cấp phối đá dăm - 25) dày 15cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E_{yc} \geq 115\text{MPa}$.

+ Trãi cán cấp phối đá dăm loại I (cấp phối đá dăm - 37,5) dày 15cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, $E_{yc} \geq 75\text{MPa}$.

+ Đào nền đến cao độ đáy kết cấu, lu lèn đạt $K \geq 0,98$.

- Kết cấu nền bằng bê tông xi măng:

+ Bê tông xi măng đá 1x2 M250 dày 12cm.

+ Lớp giấy dầu ngăn cách.

+ Trãi cán cấp phối đá dăm loại I (cấp phối đá dăm - 25) dày 12cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$.

+ Đào nền hoặc đắp nền, lu lèn đạt $K \geq 0,95$.

- Kết cấu bó nền dùng trên tuyến:

+ Bó nền rộng 0,2m.

+ Bó nền được đổ tại chỗ bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 trên lớp bê tông đá 1x2 M150 lót móng dày 6cm đổ tại chỗ.

* Tuyến số 4:

- Kết cấu áo đường bê tông nhựa nâng cấp từ trên xuống như sau:

+ Trãi cán bê tông nhựa chặt (C12,5) dày 5cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$.

- + Tưới lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h, lượng nhũ tương 0,5kg/m².
- + Bù vênh mặt đường bằng bê tông nhựa chặt (C12,5), lu lèn đạt $K \geq 0,98$.
- + Tưới lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h, lượng nhũ tương 0,5kg/m².
- + Vệ sinh, quét rửa mặt đường hiện hữu.
- Kết cấu áo đường bê tông nhựa thảm trên mương từ trên xuống như sau:
 - + Trãi cán bê tông nhựa chặt (C12,5) dày 5cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$.
 - + Tưới lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h, lượng nhũ tương 1,0 kg/m².
 - + Trãi cán cấp phối đá dăm loại I (cấp phối đá dăm - 25) tới cao độ thiết kế, lu lèn đạt $K \geq 0,98$.
- Kết cấu áo đường bê tông nhựa làm mới từ trên xuống như sau:
 - + Trãi cán bê tông nhựa chặt (C12,5) dày 5cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, Eyc ≥ 130 MPa.
 - + Tưới lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h, lượng nhũ tương 1,0kg/m².
 - + Trãi cán cấp phối đá dăm loại I (cấp phối đá dăm - 25) dày 15cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, Eyc ≥ 115 MPa.
 - + Trãi cán cấp phối đá dăm loại I (cấp phối đá dăm - 37,5) dày 15cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$, Eyc ≥ 115 MPa.
- + Đào nền hoặc đắp nền, lu lèn đạt $K \geq 0,98$.
- Kết cấu lề bằng bê tông xi măng:
 - + Bê tông xi măng đá 1x2 M250 dày 15cm.
 - + Lớp giấy dầu ngăn cách.
 - + Đào nền hoặc đắp nền, lu lèn đạt $K \geq 0,95$.
- Kết cấu bó nền dùng trên tuyến:
 - + Bó nền rộng 0,2m.
 - + Bó nền được đổ tại chỗ bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 trên lớp bê tông đá 1x2 M150 lót móng dày 6cm đổ tại chỗ.
- đ) Giải pháp về an toàn giao thông:
 - Bố trí hệ thống biển báo hiệu, vạch sơn theo đúng QCVN 41:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.
 - Vạch sơn gờ giảm tốc theo đúng TCCS 34:2020/TCĐBVN - Tiêu chuẩn cơ sở gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế: màu vàng dày 6mm, khoảng cách giữa 2 tim vạch liền kề là 60cm, bề rộng mỗi vạch 20 cm (sơn dạng cụm); màu vàng dày 6mm, khoảng cách giữa 2 tim vạch liền kề là 4m, bề rộng mỗi vạch 20 cm (dạng rải đều).
- e) Giải pháp thiết kế hạng mục thoát nước:
 - * Tuyến số 1:

- Xây dựng mới mương hở ngang đường đậy đan lưới thép kích thước B x H = 0,5m x 0,5m tại Km0+20,00 và Km0+40,00, phía trên đậy đan lưới thép để thu nước mặt đường đoạn đầu tuyến và xây mới mương hộp B x H = 0,7m x 0,7m dẫn nước từ mương hở ngang đường về hệ thống cống thoát nước hiện hữu của Đại lộ Đông Tây.

- Mương hở kích thước B x H = 0,5m x 0,5m có kết cấu như sau:

+ Bê tông lót đáy mương dày 10cm làm bằng bê tông xi măng đá 1x2, M150 đổ tại chỗ.

+ Đáy mương dày 20cm làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M300.

+ Thành mương dày 20cm làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M300.

+ Góc gác đan bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M300 bọc viền bằng thép hình.

+ Nắp đan sử dụng đan lưới thép.

- Mương hộp B x H = 0,7m x 0,7m có kết cấu như sau:

+ Bê tông lót đáy mương dày 10cm làm bằng bê tông xi măng đá 1x2, M150 đổ tại chỗ.

+ Đáy mương dày 20cm làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M300.

+ Thành mương dày 20cm làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M300.

+ Bản nắp mương dày 15cm làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M300.

- Hồ ga:

+ Tường và móng hồ thu dày 20cm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250, lót móng hồ thu dày 10cm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M150 đổ tại chỗ.

+ Thiết kế đà hàm hồ thu bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đúc sẵn (chi tiết xem bản vẽ).

+ Nắp đan sử dụng đan lưới thép hình.

- Hướng thoát nước:

+ Đầu nối về hồ ga hiện hữu đường Đại Lộ Đông Tây, tại đây nước chảy dọc đường Đại Lộ Đông Tây bằng cống tròn D1200 để đổ về suối hiện hữu.

* Tuyến số 4:

- Xây dựng hệ thống thoát nước dọc bằng mương bê tông cốt thép kích thước BxH = 0,7m x 0,7m bên phải tuyến. Hồ ga thu nước đậy bằng 1 nắp đan bê tông, 1 nắp đan lưới thép. Hướng thoát nước từ đầu tuyến về cuối tuyến, hạ nguồn thoát nước về hồ ga chờ xây mới tại vị trí ngã ba gần cuối tuyến.

- Mương có kết cấu như sau:

+ Bê tông lót đáy mương dày 10cm làm bằng bê tông xi măng đá 1x2, M150 đổ tại chỗ.

+ Đáy mương dày 20cm làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M250.

- + Thành mương dày 20cm làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M250.
- + Nắp đan dày 15cm làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M250.
- Hồ ga thu nước:
 - + Trung bình khoảng từ 20m đến 25m bố trí một hồ ga thu nước.
 - + Tường và móng hồ ga dày 20cm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250, lót móng hồ ga dày 10cm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M150 đổ tại chỗ.
 - + Thiết kế đà hầm hồ ga bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đúc sẵn (chi tiết xem bản vẽ).
 - + Thiết kế 2 tấm đan, 1 tấm đan lưới thép, 1 tấm đan bê tông đập phía trên hồ thu đảm bảo thu nước mặt đường và hạn chế mùi hôi (chi tiết xem bản vẽ).
 - Hồ ga chờ: vị trí chờ công đầu nổi xây gạch thẻ vữa xi măng M100 kích thước 0,8m x 0,8m.

f) Hệ thống chiếu sáng.

* Tuyến số 1: hệ thống chiếu sáng bằng nguồn điện.

- Chiều dài tuyến bố trí chiếu sáng (bố trí 1 bên): = 223,47m.
- Tổng số trụ đèn chiếu sáng sắt tráng kẽm cao 6m: = 8 trụ.
- Tổng số cần đèn đơn: = 7 cần.
- Tổng số cần đèn đôi: = 1 cần.
- Tổng số đèn Led 80W lắp mới: = 9 bộ.
- Tổng công suất sử dụng cho toàn bộ hệ thống điện chiếu sáng: $P = (9 \text{ bộ} \times 80\text{W}/\text{bộ}) = 720\text{W}$.

- Nguồn điện được lấy từ hệ thống chiếu sáng Đại Lộ Đông Tây.

* Tuyến số 2: Hệ thống chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời.

- Quy mô xây dựng hệ thống chiếu sáng:
 - + Xây dựng hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời.
 - + Tổng số trụ đèn chiếu sáng sắt tráng kẽm cao 5m xây dựng mới: 3 trụ.
 - + Tổng số móng trụ chiếu sáng 5m xây dựng mới: 3 móng.
 - + Tổng số đèn Led 80W năng lượng mặt trời lắp đặt mới: 3 bộ.
 - Tổng công suất sử dụng cho hệ thống: $P = (3 \text{ bộ} \times 80\text{W}/\text{bộ}) = 240\text{W}$.

* Tuyến số 3: hệ thống chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời.

- Quy mô xây dựng hệ thống chiếu sáng:
 - + Xây dựng hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời.
 - + Tổng số trụ đèn chiếu sáng sắt tráng kẽm cao 5m xây dựng mới: 9 trụ.
 - + Tổng số móng trụ chiếu sáng 5m xây dựng mới: 9 móng.
 - + Tổng số đèn Led 80W năng lượng mặt trời lắp đặt mới: 9 bộ.

- Tổng công suất sử dụng cho hệ thống: $P = (9 \text{ bộ} \times 80\text{W}/\text{bộ}) = 720\text{W}$.

* Tuyến số 4: hệ thống chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời.

- Quy mô xây dựng hệ thống chiếu sáng:

+ Xây dựng hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời.

+ Tổng số trụ đèn chiếu sáng sắt tráng kẽm cao 5m xây dựng mới: 8 trụ.

+ Tổng số móng trụ chiếu sáng 5m xây dựng mới: 8 móng.

+ Tổng số đèn Led 80W năng lượng mặt trời lắp đặt mới: 8 bộ.

- Tổng công suất sử dụng cho hệ thống: $P = (8 \text{ bộ} \times 80\text{W}/\text{bộ}) = 640\text{W}$.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

STT	Tên quy trình	Mã hiệu
A	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG TRONG CÔNG TÁC KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH	
1	Công tác trắc địa trong xây dựng - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
4	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
B	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG TRONG CÔNG TÁC THIẾT KẾ	
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2023/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
3	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
4	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
5	Ổng bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
6	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
7	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế	TCVN 7957:2023

8	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình chiếu sáng	QCVN 07-7:2023/BXD
9	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 13608:2023
10	Đèn điện LED chiếu sáng đường và phố - Hiệu suất năng lượng	TCVN 12666:2019
C	TIÊU CHUẨN VỀ VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM, THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU	
	Tiêu chuẩn về vật liệu	
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QCVN 16:2023/BXD
2	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
3	Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
4	Ximăng Pooclăng	TCVN 2682:2020
5	Nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817:2011
6	Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm vật liệu nhựa đường	TCVN 8818:2011
7	Bê tông nhựa - Phương pháp thử	TCVN 8860:2011
8	Thép cốt bê tông - Thép thanh tròn trơn và thép thanh vằn	TCVN 1651:2018
9	Thép hình cán nóng – Phần 1; phần 2; phần 5; phần 11; phần 15; phần 16.	TCVN 7571-1:2019; TCVN 7571-2:2019 ; TCVN 7571-5:2006 ; TCVN 7571-11:2019; TCVN 7571-15:2019; TCVN 7571-16:2017;
	Tiêu chuẩn về thi công – kiểm tra – giám sát chất lượng công trình	
	Phần đường	
1	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023

2	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
3	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361:2012
4	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377:2012
5	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
6	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
7	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các móng đường bằng vật liệu rời ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011
8	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0m.	TCVN 8864:2011
9	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám của mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Thử nghiệm	TCVN 8866:2011
10	Áo đường mềm - Xác định môđun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.	TCVN 8861:2011
11	Dung sai trong xây dựng công trình - Phần 8: Kiểm tra kích thước và kiểm tra thi công	TCVN 9259-8:2012
12	Áo đường mềm - Xác định môđun đàn hồi chung của kết cấu bằng cân đo vồng benkelman	TCVN 8867:2011
	Bê tông – Bê tông cốt thép	
1	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
2	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
D	TIÊU CHUẨN VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình	QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD

2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2020/BCT
4	An toàn nổ - Yêu cầu chung	TCVN 3255:1986
E	TIÊU CHUẨN VỀ MÔI TRƯỜNG	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung	QCVN 27:2010/BTNMT
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại	QCVN 07:2009/BTNMT
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí	QCVN 05:2023/BTNMT
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt	QCVN 08:2023/BTNMT
F	TIÊU CHUẨN VỀ BẢO TRÌ	
1	Hướng dẫn về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021
2	Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021
3	Quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ	Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018
4	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018	Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021
5	Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 14182:2024

6	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
---	--	----------------

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 5.196.609.504 đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ, một trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm lẻ chín nghìn, năm trăm lẻ bốn đồng*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 4.482.204.327 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 135.541.859 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 424.593.444 đồng.
- Chi phí khác: 136.145.177 đồng.
- Chi phí dự phòng: 18.124.697 đồng.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025.

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2025.
- Thực hiện dự án: Năm 2025 - 2027.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố Dĩ An.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Sau khi Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo mặt đường và hệ thống chiếu sáng đường tổ 5 được phê duyệt, UBND phường Bình Thắng có trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND thành phố, Chủ tịch UBND phường Bình Thắng và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký././

Nơi nhận: *dar*

- CT, PCT Nguyễn Thanh Huy;
- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH thành phố ;
- Phòng KT, HT&ĐT thành phố;
- LĐVP, CV (TH, ĐT);
- Lưu: VT. *y*

